

ĐỀ CƯƠNG

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIII

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới

Tại Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII, Ban Chấp hành Trung ương đã bám sát Cương lĩnh của Đảng, Hiến pháp của Nhà nước, các quan điểm và định hướng của Đảng về CSXH qua các kỳ Đại hội, nhất là Đại hội XIII và kết quả tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội, giành nhiều thời gian thảo luận một cách dân chủ và đã thống nhất cao ban hành Nghị quyết mới về “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới”.

Hội nghị ngày hôm nay nhằm quán triệt sâu rộng, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân để triển khai thực hiện thật tốt Nghị quyết hết sức quan trọng này; tài liệu và nội dung chi tiết đã gửi đến các đồng chí. Thực hiện phân công của Bộ Chính trị, tôi xin trình bày với các đồng chí nội dung cơ bản của Nghị quyết với kết cấu 05 phần như sau:

Thứ nhất, các yếu tố nền tảng làm cơ sở để đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội.

Thứ hai, tính cấp thiết phải tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội.

Thứ ba, quan điểm, mục tiêu.

Thứ tư, nhiệm vụ, giải pháp.

Thứ năm, tổ chức thực hiện.

I. CÁC YẾU TỐ NỀN TẢNG LÀM CƠ SỞ ĐỂ ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Phát triển chính sách xã hội phải dựa trên quyền con người theo quy định của Hiến pháp 2013, Điều 34 “Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội”.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011), các chủ trương, đường lối, Nghị quyết của Đảng, chúng ta đều khẳng định “con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển”; “chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc”.

Để xây dựng được nền tảng đó, Đảng, Nhà nước đã khẳng định “tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển”; “không hy sinh tiến bộ, công bằng, an sinh xã hội, môi trường để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần”.

Bước vào thời kỳ mới, Trung ương đã đánh giá, nhận định chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội sẽ phải đối diện với những thách thức to lớn, đó là:

- Quá trình phát triển, toàn cầu hóa, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đô thị hóa, di dân tự do làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội, nhất là vấn đề nhà ở, ô nhiễm môi trường, quá tải hạ tầng, tình trạng thất nghiệp, phân hoá giàu nghèo, rủi ro và xung đột xã hội.

- Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo làm thay đổi phương thức sản xuất, quan hệ sản xuất và tiêu dùng, thay đổi thể giới việc làm. Sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, chuyển đổi công nghệ, chuyển đổi xanh, mà ta chưa kịp ‘chuyển đổi con người’, nguy cơ thiếu hụt, nhất là nhân lực kỹ thuật- công nghệ, đồng thời gây ra thất nghiệp, thiếu việc làm đối với nhân lực trình độ, tay nghề thấp.

- Quá trình già hoá dân số diễn ra rất nhanh chóng. Nước ta là một trong các quốc gia có tốc độ già hoá dân số nhanh nhất thế giới, tình trạng ”chưa giàu đã già”.

[Nói ngoài- Tỷ lệ người cao tuổi (từ 65 tuổi trở lên) được ước tính sẽ tăng từ 7% lên 15% vào năm 2035, điều này đặt ra những thách thức lớn trong đảm bảo an sinh xã hội cho người cao tuổi. Đảm bảo nguồn lao động có ý nghĩa rất quan trọng để duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng suất lao động đang đòi hỏi chính sách lao động, việc làm, phát triển nguồn nhân lực và chính sách an sinh xã hội toàn diện].

- Biến đổi khí hậu ảnh hưởng lớn đến Việt Nam (Khoảng 60% diện tích đất và 70% dân số của Việt Nam phải hứng chịu nhiều thiên tai), và đang theo chiều hướng ngày càng tăng trong những thập kỷ tới, làm tăng thêm mối nguy trước các cú sốc cho hộ gia đình và nền kinh tế. Trong khi, hệ thống ASXH vẫn chưa đủ khả năng thích ứng để ứng phó với các thảm họa, các cú sốc trên diện rộng, ngoài các biện pháp cứu trợ truyền thống. Ngoài ra, các vấn đề an ninh phi truyền thống khác cũng đang tác động mạnh mẽ đến đời sống của người dân, làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội, gia tăng rủi ro mâu thuẫn, xung đột xã hội, biến đổi xã hội theo chiều hướng tiêu cực.

II. TÍNH CẤP THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

1- Yêu cầu cấp thiết phải đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội

(1) Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 15/NQ-TW một số vấn đề về chính sách xã hội, Việt Nam đã đạt được mục tiêu cơ bản đảm bảo mức sống tối thiểu

cho người dân và gia nhập nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình thấp. Bước vào thời kỳ mới, yêu cầu đổi mới và phát triển đất nước đòi hỏi phải mở rộng toàn diện các chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

(2) Trong thời gian qua, Trung ương đã ban hành nhiều Nghị quyết chuyên đề đối với nhiều lĩnh vực khác nhau như giáo dục, y tế, dân số, bảo hiểm xã hội, tiền lương, an ninh quốc phòng, đối ngoại. Do đó, lĩnh vực xã hội là lĩnh vực lớn, quan trọng cần thiết phải ban hành nghị quyết quy định quan điểm, mục tiêu, định hướng và giải pháp phát triển lĩnh vực xã hội đến năm 2030 và tầm nhìn 2045, khẳng định bản chất tốt đẹp của Nhà nước XHCN Việt Nam, là chăm lo cho con người, vì con người, hợp với ý đảng, lòng dân và xu hướng phát triển xã hội bền vững.

(3) Tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII và các Nghị quyết của Đảng đã nhấn mạnh “Nhận thức đầy đủ và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong các chính sách xã hội. Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người. Triển khai đồng bộ, toàn diện các mục tiêu kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội và môi trường, trên cơ sở đó, đổi mới, phân bổ nguồn lực hợp lý để nâng cao hiệu quả phát triển xã hội. Xây dựng và thực hiện đồng bộ thể chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội bền vững, hài hòa”.

2- Căn cứ chính trị

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII và các Nghị quyết gần đây đều đặt ra các yêu cầu: hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là chính sách xã hội; yêu cầu lấy người dân làm trung tâm, tất cả vì lợi ích của người dân, đều là những cơ sở quan trọng để đổi mới và nâng cao chất lượng chính sách xã hội.

Một số Nghị quyết cụ thể như sau:

(1) Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012- 2020 đã đưa ra mục tiêu: Tiếp tục cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người có công, phấn đấu đến năm 2015 cơ bản bảo đảm gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn. Đến năm 2020, cơ bản bảo đảm an sinh xã hội toàn dân, bảo đảm mức tối thiểu về thu nhập, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin, truyền thông, góp phần từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc của nhân dân.

(2) Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đưa ra mục tiêu: tạo chuyên biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân. Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

(2) Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/11/2017 Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới đưa ra mục tiêu: Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Phát triển nền y học khoa học, dân tộc và đại chúng. Bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe.

(3) Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/11/2017 Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới đưa ra mục tiêu: Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững.

(4) Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 21/5/2018 Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp đã đặt ra mục tiêu: xây dựng hệ thống chính sách tiền lương quốc gia một cách khoa học, minh bạch, phù hợp với tình hình thực tiễn đất nước, đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động hội nhập quốc tế, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; tạo động lực giải phóng sức sản xuất, nâng cao năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực; bảo đảm đời sống của người hưởng lương và gia đình người hưởng lương, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

(5) Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23/5/2018 Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội đã đưa ra mục tiêu: Cải cách chính sách bảo hiểm xã hội để bảo hiểm xã hội thực sự là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội, từng bước mở rộng vững chắc diện bao phủ bảo hiểm

xã hội, hướng tới mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại và hội nhập quốc tế.

(6) Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra mục tiêu, nhiệm vụ rất vẻ vang nhưng cũng rất nặng nề: *phấn đấu đến năm 2025, là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao*. Đây là nhiệm vụ rất nặng nề, cũng là thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững "SDG" của Liên Hiệp quốc; điều chỉnh cách tiếp cận phát triển xã hội theo tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng đã kết luận tại Hội nghị Trung ương 8, khoá XIII, phát triển xã hội "từ ***bảo đảm và ổn định*** sang ***ổn định và phát triển***; gắn với quản lý phát triển xã hội bền vững, nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh con người, an ninh xã hội".

3- Căn cứ thực tiễn

Đánh giá toàn diện kết quả sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW một số vấn đề về chính sách xã hội, Nghị quyết số 42-NQ/TW đã thẳng thắn chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân chủ yếu như sau:

Thành tựu

Sau 10 năm tổ chức thực hiện, Trung ương đã đánh giá toàn diện và khẳng định Nghị quyết 15-NQ/TW đã đi vào cuộc sống, đạt được những thành tựu to lớn, quan trọng, cụ thể như sau:

(1) Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân khắp mọi miền đất nước được nâng lên rõ rệt; diện mạo xã hội thay đổi căn bản; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; kinh tế, xã hội phát triển toàn diện và hài hòa hơn; đem lại niềm tin và sự hài lòng của người dân, khẳng định tính ưu việt của chế độ XHCN ở nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng.

(2) Quá trình đổi mới nhận thức về chính sách xã hội của Đảng ta là một bước tiến dài mang tính lịch sử trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, được lan tỏa và chuyển biến nhận thức rõ rệt trong hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân.

[Nói ngoài- Tư tưởng và quan điểm của Nghị quyết 15-NQ/TW mang tính bước ngoặt, làm thay đổi về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về chính sách xã hội, như Tổng Bí thư đã đúc kết "chủ trương và quan điểm của Nghị quyết còn nguyên giá trị, cần phải tiếp tục kế thừa và phát huy"].

(3) Việc đảm bảo an sinh xã hội từ chủ yếu nhận thức hỗ trợ nhân đạo sang đảm bảo quyền an sinh của công dân. Chính sách xã hội đã dần gắn với chính sách kinh tế trong từng bước, từng chính sách phát triển; phát triển hài hòa đời sống vật

chất và đời sống tinh thần của nhân dân. Việc giải quyết các vấn đề xã hội từ Nhà nước đóng vai trò nòng cốt và chủ yếu chuyển sang Nhà nước đóng vai trò chủ đạo đi đôi phát huy vai trò quan trọng của doanh nghiệp, thị trường, các tổ chức xã hội và ý chí tự lực, tự cường của người dân.

[Nói ngoài- Nhà nước đã giành nguồn lực ngày càng lớn chỉ cho an sinh xã hội (trong bối cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, đã giành gần 20% tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm cho an sinh xã hội), đồng thời huy động sâu rộng sự tham gia của cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp trong thực hiện chính sách xã hội].

(4) Hệ thống chính sách xã hội đã cơ bản hoàn thiện, từng bước tiến tới mục tiêu đảm bảo công bằng, toàn diện, bao trùm, tiệm cận các tiêu chuẩn quốc tế, cơ bản đảm bảo quyền an sinh của người dân, góp phần phát triển kinh tế, ổn định chính trị và trật tự xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Chính sách xã hội ngày càng khẳng định vai trò thiết yếu, nòng cốt trong phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro của người dân trong cuộc sống, nhất là qua đại dịch Covid-19 và thiên tai, bão lũ,...

(5) Một số điểm sáng đáng ghi nhận là: Việt Nam trở thành quốc gia đi đầu trong giảm nghèo và thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ và phát triển bền vững của Liên hợp quốc, được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Trong vòng 10 năm chúng ta đã thực hiện thành công bảo hiểm y tế toàn dân; thu nhập của người dân tăng gấp hơn 2,2 lần, công ăn việc làm và sinh kế được bảo đảm; tuổi thọ trung bình của người dân tăng nhanh (đến nay đạt 73,8 tuổi); chỉ số phát triển con người (HDI) có sự cải thiện vượt bậc, đưa Việt Nam vào nhóm các quốc gia có chỉ số phát triển con người cao, đạt 0,703 năm 2021, cải thiện thứ hạng từ vị trí 127/187 năm 2012 lên vị trí 115/191 năm 2021 trong bảng xếp hạng của Liên Hợp Quốc.

Kết quả

(1) Chính sách ưu đãi người có công với cách mạng được Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành và xã hội đặc biệt quan tâm và thực hiện tốt nhất trong các chính sách xã hội.

[Nói ngoài- Đối tượng người có công với cách mạng được mở rộng với chế độ và chính sách ưu đãi phù hợp, đến nay, xác nhận được trên 9,2 triệu người có công và thân nhân, trong đó có trên 1,2 triệu người đang hưởng chế độ ưu đãi hàng tháng, cơ bản hỗ trợ dứt điểm đối với hộ người có công gặp khó khăn về nhà ở (339.116 hộ người có công được hỗ trợ, đạt 96,7% số hộ cần hỗ trợ sau rà soát); 98,6% gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn; giải quyết căn bản hồ sơ tồn đọng; thực hiện tốt quy tập hài cốt liệt sĩ, xác định danh tính liệt sĩ, tu bổ, nâng cấp nghĩa trang và công trình ghi công liệt sĩ].

(2) Công tác giảm nghèo đạt kết quả nổi bật, về đích trước thời hạn theo mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ và phát triển bền vững của Liên hợp quốc, là điểm sáng được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao.

[Nói ngoài- Việt Nam từ một nước có tỷ lệ hộ nghèo gần 60% vào năm 1986, đã ngoạn mục giảm xuống còn dưới 3% vào năm 2022 theo chuẩn nghèo mới tiếp cận đa chiều; thu nhập của người nghèo được cải thiện đáng kể, thu nhập bình quân hộ nghèo năm 2020 bằng 3,5 lần năm 2010].

Thế chế thị trường lao động từng bước được hoàn thiện, trở thành giải pháp cơ bản tạo việc làm bền vững.

[Nói ngoài- tỷ lệ thất nghiệp chung ổn định dưới 3%, thất nghiệp thành thị dưới 4%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ năm 2022 đạt 26,2%].

(3) Bảo hiểm xã hội từng bước khẳng định vai trò là trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội, diện bao phủ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp không ngừng được mở rộng.

[Nói ngoài- năm 2022, bảo hiểm xã hội đạt 38,08% và bảo hiểm thất nghiệp đạt 31,18% lực lượng lao động trong độ tuổi; bảo hiểm xã hội tự nguyện tạo bước tiến bộ rõ rệt, đạt 1,46 triệu người tham gia].

(4) Chính sách trợ giúp xã hội đã mở rộng độ đối tượng, tăng mức hưởng; trợ giúp xã hội đột xuất đã bao phủ các nhóm đối tượng, bảo đảm người dân được hỗ trợ kịp thời khi gặp rủi ro, thiên tai, dịch bệnh.

[Nói ngoài- Số người hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên tăng hàng năm, đạt 3,3 triệu người năm 2022 (chiếm 3,5% dân số); đã thực hiện rất thành công công tác phòng chống đại dịch Covid-19 đi đôi với bảo đảm an sinh xã hội (trong 3 năm qua đã nhanh chóng, kịp thời triển khai 4 gói cứu trợ chưa từng có tiền lệ, với số tiền trên 120 ngàn tỷ đồng và trên 200 ngàn tấn gạo hỗ trợ cho trên 68 triệu lượt người)].

(5) Về đảm bảo mức tối thiểu các dịch vụ xã hội cơ bản:

- Giáo dục tối thiểu: Mạng lưới cơ sở giáo dục phát triển nhanh, chính sách phổ cập giáo dục bảo đảm phát triển toàn diện cho trẻ em và hỗ trợ cho đối tượng yếu thế, phổ cập giáo dục đã hoàn thành trước thời hạn từ cấp mầm non đến trung học cơ sở.

[Nói ngoài- trẻ em đi học đúng tuổi cấp tiểu học đạt 99% từ năm 2015, cấp trung học cơ sở đạt trên 95% từ năm 2020, tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên biết chữ đạt 97,85%].

- Y tế tối thiểu: Đến năm 2022 đã thực hiện thành công bảo hiểm y tế toàn dân, với độ bao phủ 92% dân số; tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt

trên 90%, tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn 10,8%; tỷ lệ dân số mắc bệnh lao còn khoảng 176/100.000 người (năm 2021).

- Nhà ở tối thiểu: Nhà ở và điều kiện ở cho người nghèo, người có thu nhập thấp ở đô thị, lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất và học sinh, sinh viên từng bước được cải thiện.

[Nói ngoài- Đến hết năm 2020, đã hỗ trợ chỗ ở cho 648.000 hộ nghèo nông thôn, trên 18.000 nghìn hộ phòng, tránh bão, lũ lụt khu vực miền Trung, 52.000 hộ dân vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long, 323.000 căn nhà cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn].

- Nước sạch: Đến cuối năm 2021, tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 90%, trong đó, 54% sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn.

- Tiếp cận thông tin: Từ năm 2016 đã hoàn thành mục tiêu 100% xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo được phủ sóng phát thanh mặt đất và truyền hình mặt đất; đến năm 2020, 100% các xã có đài truyền thanh xã.

Tuy nhiên, Trung ương thẳng thắn nhìn nhận và chỉ ra một số hạn chế, yếu kém sau:

(1) Kết quả giảm nghèo có nơi, có lúc chưa vững chắc, nguy cơ tái nghèo còn cao, phân hoá giàu-nghèo có xu hướng gia tăng; đời sống một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng thường xuyên bị thiên tai; khoảng cách phát triển giữa các địa phương, vùng, miền còn lớn.

(2) Thị trường lao động phát triển chưa đồng bộ, lao động khu vực phi chính thức còn lớn, đột phá về nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chuyển biến chưa rõ nét; giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học chưa đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động.

(3) Phạm vi bao phủ và khả năng giải quyết rủi ro của các chính sách xã hội còn thấp.

[Nói ngoài- độ bao phủ bảo hiểm xã hội còn thấp, bảo hiểm xã hội tự nguyện chưa thực sự hấp dẫn người lao động tham gia; tình trạng chậm và trốn đóng bảo hiểm xã hội vẫn còn kéo dài; tình trạng rút BHXH một lần có xu hướng tăng; độ bao phủ của chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên còn hẹp, mức chuẩn trợ cấp thấp, thiếu cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động, người dân ứng phó với các cú sốc trên diện rộng].

(5) Các dịch vụ xã hội cơ bản chưa đáp ứng được nhu cầu của Nhân dân.

[Nói ngoài- Việc đảm bảo y tế cơ bản; năng lực, chất lượng y tế cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là trong ứng phó với dịch bệnh; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn cao. Việc thực hiện chính sách nhà ở cho người lao động, người thu nhập thấp còn nhiều

khó khăn; tỷ lệ người dân ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn còn thấp. Số lượng và chất lượng dịch vụ xã hội cơ bản tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp; các dịch vụ phòng chống bạo lực, bạo hành gia đình tại cộng đồng, phòng chống buôn bán người, cai nghiện ma túy chưa toàn diện. Cán bộ y tế cơ sở, giáo viên thiếu về số lượng, yếu về chất lượng; chất lượng giáo dục phổ thông có mặt còn hạn chế].

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, yếu kém:

(1) Nhận thức của một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của chính sách xã hội chưa đầy đủ, toàn diện; chưa quan tâm đúng mức công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện.

(2) Hệ thống chính sách, pháp luật về chính sách xã hội chưa hoàn thiện, đồng bộ. Thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích khu vực ngoài nhà nước tham gia cung cấp dịch vụ công.

(3) Công tác quản lý nhà nước còn bất cập; phương thức quản lý chậm đổi mới.

[Nói ngoài- Sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương chưa chặt chẽ; công tác thanh tra, kiểm tra ở nhiều nơi chưa được coi trọng. Chậm hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức thực hiện chính sách xã hội].

(4) Chưa đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương, nhất là trong quản lý, tổ chức triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia.

(5) Nguồn lực đầu tư của nhà nước và xã hội còn hạn chế; việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực có nơi, có lĩnh vực hiệu quả chưa cao.

[Nói ngoài- chưa liên kết tốt các nguồn lực của chính sách xã hội, an sinh xã hội và nguồn lực xã hội hóa].

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

1- Điểm mới trong tiếp cận và phạm vi của Nghị quyết 42-NQ/TW

Nội dung Nghị quyết 42-NQ/TW có những điểm mới, cơ bản so với nội dung Nghị quyết 15-NQ/TW như sau:

(1). So với Nghị quyết 15-NQ/TW, Nghị quyết 42-NQ/TW có sự điều chỉnh về tiếp cận, từ ***bảo đảm và ổn định*** sang ***ổn định và phát triển***; gắn với quản lý phát triển xã hội bền vững, nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh con người, an ninh xã hội.

Nếu như Nghị quyết 15/NQ-TW, tập trung theo hướng đảm bảo an sinh xã hội mức tối thiểu cả về thu nhập, đời sống người dân và các dịch vụ xã hội cơ bản, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của đất nước. Nghị quyết 42-NQ/TW, kết hợp hài hoà giữa tiếp tục đảm bảo an sinh xã hội, các chính sách xã hội khác

để tiếp tục đảm bảo ổn định xã hội, đồng thời tập trung cho phát triển xã hội, tiến bộ xã hội thông qua phát triển con người, phát triển nguồn nhân lực, phát triển tầng lớp trung lưu gắn với quản lý phát triển xã hội bền vững và làm động lực phát triển kinh tế, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

(2). Về phạm vi, so với Nghị quyết 15-NQ/TW, về một số chính sách xã hội mà tập trung là chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và chính sách đảm bảo an sinh xã hội; Nghị quyết 42-NQ/TW đã ***mở rộng ra toàn bộ các chính sách xã hội*** bao gồm các chính sách lao động, việc làm, phát triển nguồn nhân lực; chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; đảm bảo an sinh xã hội, cho đến nâng cao phúc lợi xã hội và đảm bảo tiếp cận dịch vụ xã hội (về y tế, giáo dục, nhà ở, văn hoá, nước sạch, vệ sinh môi trường, thông tin) có chất lượng cho mọi người dân, nhưng luôn quan tâm đến nhóm yếu thế, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người có hoàn cảnh khó khăn ở vùng sâu, vùng xa.

2- Về quan điểm – Nghị quyết đưa ra 4 quan điểm:

(1) Quan điểm thứ nhất

Nghị quyết 42-NQ/TW tiếp tục khẳng định quan điểm xuyên suốt của Đảng về vị trí, vai trò của chính sách xã hội trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa:

Chính sách xã hội là chính sách chăm lo cho con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể, mục tiêu, động lực, nguồn lực để phát triển bền vững đất nước; là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn xã hội; thể hiện đặc trưng, bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục khẳng định, kế thừa những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết 15-NQ/TW, đã được thực tế kiểm nghiệm là đúng đắn, vẫn còn nguyên giá trị, nội dung này của Nghị quyết làm rõ hơn quan điểm xuyên suốt của Đảng ta về chính sách xã hội là chăm lo con người và vì con người; là mục tiêu cao cả *thể hiện đặc trưng, bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa*.¹

[**Nhấn mạnh:** con người ở đây là nhân dân, mọi tầng lớp nhân dân] và con người là mục tiêu, chủ thể, là động lực, nguồn lực cùng tham gia vào thực hiện chính sách xã hội và thụ hưởng các thành quả của sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước].

Đồng thời Nghị quyết nhấn mạnh quan điểm, chính sách xã hội có vị trí đặc biệt quan trọng, gắn liền và song hành với phát triển kinh tế: *tăng trưởng kinh*

¹ Về quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ: “...*Chính sách xã hội là chính sách đối với con người, vì con người, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ ta. Xây dựng và thực hiện chính sách xã hội phải luôn lấy con người làm trung tâm; coi đầu tư cho thực hiện các mục tiêu chính sách xã hội là đầu tư cho phát triển*”.

tế gắn với bảo đảm chính sách xã hội; tạo điều kiện để Nhân dân thụ hưởng thành quả của sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước, nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

(2) Quan điểm thứ hai

Đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội theo hướng toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; xây dựng và thực hiện chính sách xã hội phải đặt trong tổng thể quản lý phát triển xã hội bền vững; giải quyết hài hoà các quan hệ xã hội, kiểm soát phân tầng xã hội, bảo đảm an sinh cho Nhân dân trong quá trình phát triển.

- Nghị quyết này, có tính bao trùm, mở rộng phạm vi ra toàn bộ các chính sách xã hội; toàn diện các mặt đời sống Nhân dân, mở rộng từ an sinh xã hội tập trung cho nhóm yếu thế, mức tối thiểu sang chính sách xã hội toàn dân, và toàn diện các mặt đời sống (gồm cả an sinh xã hội và nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, trọng tâm là phúc lợi về y tế, giáo dục, nhà ở, văn hoá), phát triển và lấy tầng lớp trung lưu dẫn dắt xã hội.

- Chính sách xã hội phải đồng thời gắn với quản lý phát triển xã hội bền vững; hệ thống an sinh xã hội phải linh hoạt, thích ứng với các cú sốc diện rộng, bảo vệ toàn dân, không để ai bị bỏ lại phía sau.

- Về đối tượng, chuyển sang giai đoạn mới không chỉ lo cho nhóm yếu thế, nhóm khó khăn mà mở rộng, tiến tới phát triển tầng lớp trung lưu mang tính dẫn dắt phát triển xã hội. Mở rộng sang thực hiện đột phá phát triển nguồn nhân lực (theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII), lấy trọng tâm đào tạo nghề, việc làm bền vững và sinh kế, phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập.

(3) Quan điểm thứ ba

Đầu tư cho chính sách xã hội là đầu tư cho phát triển. Chú trọng huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực đúng mục tiêu, phù hợp với khả năng của nền kinh tế, thu nhập của Nhân dân, trong đó nguồn lực nhà nước đóng vai trò chủ đạo, nguồn lực của xã hội là quan trọng; kết hợp nguồn lực trong nước và ngoài nước. Đổi mới công tác quản lý Nhà nước; tăng cường phân cấp, phân quyền; phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân, nâng cao hiệu quả hợp tác giữa Nhà nước, tư nhân, tổ chức xã hội, cộng đồng và Nhân dân trong quản lý phát triển xã hội bền vững.

- Nội dung này của Nghị quyết có nhiều nội dung mới, nhấn mạnh đổi mới công tác quản lý Nhà nước; tăng cường phân cấp, phân quyền. Tăng cường vai trò của nhà nước có sự điều chỉnh, nhà nước kiến tạo, chủ đạo về xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách xã hội, tăng cường phân cấp, phân quyền trong quản lý; khuyến khích hợp tác công tư, xã hội hóa để thực hiện các chính sách xã hội. Đổi mới chính sách xã hội đồng thời với đổi mới toàn diện công tác quản lý nhà

nước, quản trị và nâng cao chất lượng hệ thống cung cấp dịch vụ, gắn với quản lý phát triển xã hội bền vững.

- Nghị quyết nhấn mạnh quan điểm, coi đầu tư cho thực hiện các mục tiêu chính sách xã hội là đầu tư cho phát triển; bám sát quan điểm xuyên suốt, chính sách xã hội chăm lo cho con người, vì con người, đồng thời con người là đối tượng đầu tư, phát triển; người dân đều tham gia và thụ hưởng thành quả của phát triển.

- Nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, đảm bảo nguồn lực một số chính sách, lĩnh vực nhất là các chính sách đảm bảo trợ giúp cho các đối tượng yếu thế, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, tiếp tục đảm bảo mức tối thiểu các dịch vụ xã hội cơ bản....; đồng thời tăng cường sự tham gia của xã hội, tăng cường vai trò các lực lượng xã hội và huy động thích hợp nguồn lực xã hội để giải quyết các vấn đề xã hội.

(4) Quan điểm thứ tư

Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân; động viên sự tham gia tích cực của Nhân dân, doanh nghiệp; khơi dậy khát vọng phát triển, ý chí tự lực, tự cường, phát huy truyền thống tương thân tương ái, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc.

Nội dung nhấn mạnh Thực hiện chính sách xã hội phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự quản lý chặt chẽ, hiệu quả của Nhà nước. Đồng thời, sự tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp.

2. Mục tiêu và tầm nhìn

Mục tiêu đến năm 2030: Xây dựng hệ thống chính sách xã hội theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, góp phần cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hoàn thiện chính sách an sinh xã hội đa dạng, đa tầng, toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; tạo cơ hội cho Nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng được chăm lo toàn diện cả vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

- Tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 3%, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35-40%

- 60% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội và 45% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp; 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hàng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội.

- 100% hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo qui định; bảo đảm mức sống tối thiểu cho người có hoàn cảnh khó khăn; trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo.

- Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,5%, cấp trung học cơ sở tối thiểu đạt 95%, cấp trung học phổ thông và tương đương tối thiểu đạt 75%; tối thiểu 90% tỉnh, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- Bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế của quốc gia; tuổi thọ bình quân của người dân khoảng 75 tuổi, số năm sống khỏe mạnh tối thiểu 68 năm; chỉ số phát triển con người (HDI) thuộc nhóm cao trong khu vực; 35 giường bệnh viện, 19 bác sĩ, 4 dược sĩ, 33 điều dưỡng viên trên 10.000 dân; trên 95% dân số tham gia bảo hiểm y tế; trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; tỉ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 95%; tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 15%; cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét.

- Xây dựng được ít nhất một triệu căn hộ nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp; xóa bỏ hoàn toàn tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu; diện tích nhà ở bình quân đầu người toàn quốc đạt khoảng 30 m² sàn/người.

- 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; 100% hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý.

- Có ít nhất 75% người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, 80% các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được thụ hưởng và tham gia các hoạt động văn hóa, nghe, xem các kênh phát thanh, truyền hình của quốc gia và địa phương.

Tầm nhìn đến năm 2045: Hệ thống chính sách xã hội phát triển toàn diện, bền vững, tiến bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước và xây dựng con người Việt

Nam toàn diện. Việt Nam nằm trong nhóm quốc gia có chỉ số phát triển con người (HDI) cao trên thế giới.

IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Để thực hiện các mục tiêu đã đề ra, Nghị quyết số 42-NQ/TW đưa ra 9 nhóm nhiệm vụ, giải pháp lớn với những nội dung chính như sau:

1- Nhóm nhiệm vụ nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò đặc biệt quan trọng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới cho cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý và Nhân dân, nhất là người đứng đầu. Khẳng định quyết tâm xây dựng và thực hiện chính sách xã hội theo hướng bền vững; dựa trên quyền con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể; phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, tạo động lực góp phần phát triển đất nước.

Đây là nội dung mới đề khắc phục những hạn chế mà quá trình tổng kết Nghị quyết số 15-NQ/TW đã chỉ ra (*cách hiểu và triển khai, thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương còn khác nhau*), quán triệt thống nhất trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và toàn dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chính sách xã hội (*nhận thức thật đúng đắn, đầy đủ*).

2- Nhóm nhiệm vụ nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về chính sách xã hội

Để thực hiện nhiệm vụ này, Nghị quyết nhấn mạnh 3 nhóm giải pháp lớn:

(1) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về chính sách xã hội bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước, tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hoá trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính, nêu cao trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận chính sách xã hội. Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về chính sách xã hội từ trung ương đến cơ sở; tăng cường vai trò giám sát của Nhân dân.

[Nói ngoài- kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật, nhất là trong lĩnh vực thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,... đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách xã hội của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức thông qua kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân].

(2) Hiện đại hóa công tác quản lý nhà nước; đẩy mạnh chuyển đổi số, số hóa quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách; từng bước áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân.

[Nói ngoài- hoàn thiện hệ thống các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành liên quan đến chính sách xã hội, đảm bảo liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân. Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số].

(3) Đổi mới cơ chế huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội theo hướng linh hoạt, hiệu quả; nguồn lực Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động hợp lý nguồn lực xã hội và hợp tác quốc tế; tăng cường xã hội hóa, hợp tác công - tư trong thực hiện chính sách xã hội.

[Nói ngoài- chúng ta cần có các chính sách hợp lý để huy động nguồn lực xã hội, bản thân đối tượng; liên kết tốt các nguồn lực của chính sách xã hội, an sinh xã hội và nguồn lực xã hội hóa]

3. Nhóm nhiệm vụ thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

Đây là nhiệm vụ rất quan trọng mà toàn Đảng, hệ thống chính trị và toàn dân đặc biệt quan tâm.

Cần chú trọng thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và tôn vinh người có công, nhất là người ở vùng sâu, vùng xa, người gặp khó khăn trong cuộc sống. Tiếp tục quan tâm nâng mức chuẩn trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo hướng phải là mức cao nhất trong các chính sách xã hội; có chính sách ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe, nhà ở, giáo dục - đào tạo, việc làm, sản xuất và tạo thuận lợi cho người có công và thân nhân tiếp cận các dịch vụ xã hội. Bảo đảm người có công và gia đình người có công phải có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

Cơ bản hoàn thành việc giải quyết tồn đọng trong chính sách người có công, nhất là tìm kiếm, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; xây dựng, tu bổ, tôn tạo mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ. Phát huy truyền thống, đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, khuyến khích tổ chức, cá nhân và toàn xã hội tích cực tham gia các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”.

4. Nhóm nhiệm vụ phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

Đây là nhiệm vụ rất quan trọng, tập trung phát triển con người, đầu tư cho con người, thúc đẩy phát triển tầng lớp trung lưu, nâng cao chất lượng dân số, xây dựng cơ cấu dân số hợp lý v.v... Giải quyết những “nút thắt cổ hầu” là chất lượng nguồn nhân lực, việc làm và năng suất lao động thấp, phát triển thị trường lao

động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiệu quả; chuyển định hướng giải quyết việc làm từ giác độ an sinh sang đầu tư, nâng cao nguồn vốn con người và khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực con người cho phát triển; đầu tư đào tạo nhân lực, nhất là nhân lực kỹ thuật-công nghệ, nhân lực chất lượng cao đáp ứng Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Tạo việc làm cho người lao động gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Thể hiện trên 5 nhiệm vụ, giải pháp lớn sau:

(1) Đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và phát triển theo hướng có quy mô, cơ cấu, phân bố hợp lý, cân bằng tỉ số giới tính khi sinh ở mức tự nhiên và duy trì mức sinh thay thế trên phạm vi cả nước, nhất là đối với một số địa bàn và nhóm dân cư. Nâng cao chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả thời kỳ dân số vàng; sớm hoàn thiện khung chính sách quốc gia thích ứng với quá trình già hóa dân số; đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

(2) Tạo bước đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục; đổi mới giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy nhanh xã hội hóa giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; đa dạng hoá chủ thể tham gia đào tạo, quy định trách nhiệm và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động

Điểm mới: Nghị quyết yêu cầu thể chế hóa các quy định cụ thể để các doanh nghiệp chủ động, tích cực và có trách nhiệm trong đào tạo nghề nghiệp cho người lao động.

[Nói ngoài- đổi mới giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại, hội nhập, tạo cơ hội học tập suốt đời. Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hóa, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp].

(3) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, đặc biệt là nhân lực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp phụ trợ chủ lực đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững, chủ động tích cực hội nhập quốc tế, tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, quản trị công nghệ, quản trị doanh nghiệp. Đổi mới chính sách tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài phục vụ cho đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học - công nghệ.

(4) Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiệu quả, đồng bộ với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; hoàn thiện chính

sách, pháp luật về tiêu chuẩn lao động, tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp, quan hệ lao động. Xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ.

[Nói ngoài- Vận hành sàn giao dịch việc làm công khai, minh bạch, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động; hiện đại hoá, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung – cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm. Tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật. Thực hiện nghiêm chỉnh sách, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động].

(5) Tạo việc làm năng suất, chất lượng nhằm giải phóng sức sản xuất, nâng cao tay nghề, thu nhập và bảo đảm an toàn tại nơi làm việc cho người lao động.

[Nói ngoài- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, từng bước thu hẹp số lao động trong khu vực phi chính thức; tăng cơ hội việc làm bền vững cho người trong và sau độ tuổi lao động để thích ứng với tốc độ già hóa dân số. Mở rộng tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, thúc đẩy thực hiện chính sách việc làm công, nhất là trong điều kiện nền kinh tế gặp khó khăn, người lao động mất việc làm, thiếu việc làm].

5. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

Nghị quyết chỉ đạo phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội, người dân và giữa các nhóm dân cư, bảo đảm bền vững và công bằng xã hội. Có 3 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

(1) Chú trọng phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế, bao phủ được toàn bộ lực lượng lao động; tiếp tục cải cách, mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội, tạo cơ hội tham gia và bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động. Đổi mới chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động để duy trì việc làm bền vững; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thất nghiệp; tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân.

[Nói ngoài- Thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo qui định của pháp luật. Đổi mới chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện, có chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho nông dân, người nghèo, người thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức tham gia. Đa dạng các gói dịch vụ bảo hiểm y tế nhằm góp phần chăm sóc sức khoẻ Nhân dân, giảm chi phí người dân chi trả trực tiếp cho dịch vụ y tế.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; ban hành chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia; quản lý an toàn, hiệu quả Quỹ bảo hiểm xã hội, Quỹ bảo hiểm y

tế. Sửa đổi chính sách bảo hiểm xã hội một lần phù hợp với thực tiễn, gắn với an sinh xã hội. Nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thất nghiệp].

(2) Hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm cả đời sống vật chất và tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác.

[Nói ngoài- Tiếp tục nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo hướng đảm bảo mức sống tối thiểu, an sinh xã hội quốc gia; Nhà nước ưu tiên hỗ trợ cho người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi, người di cư và gia đình có trẻ em, người thu nhập thấp.

Phát triển mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; xây dựng đội ngũ làm công tác xã hội chuyên nghiệp; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững.

Đổi mới việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp; quản lý, sử dụng quỹ cứu trợ xã hội từ thiện, nhân đạo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật].

Điểm mới: Nghị quyết có nhiều điểm mới, không chỉ quan tâm đến đời sống vật chất mà còn quan tâm đến đời sống tinh thần cho người dân; có chính sách trợ cấp cho gia đình có trẻ em, hỗ trợ cho người không có khả năng lao động, người thu nhập thấp; phấn đấu nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo hướng đảm bảo mức sống tối thiểu, an sinh xã hội quốc gia là định hướng quan trọng của Đảng trong giai đoạn tới.

(3) Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản.

[Nói ngoài- hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nghiên cứu, triển khai cơ chế thí điểm phân cấp thực hiện trọn gói các Chương trình mục tiêu quốc gia cho cấp huyện].

6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

Các dịch vụ xã hội cơ bản theo tiếp cận của Nghị quyết 15/NQ-TW, đảm bảo mức tối thiểu, ưu tiên các nhóm yếu thế, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số; Nghị quyết này đã chuyển trọng tâm sang đảm bảo nâng cao phúc lợi xã hội cho mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng, nhất là về giáo dục, y tế, nhà ở và văn hoá.

Về giáo dục: Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và tạo cơ hội học tập suốt đời.

[Nói ngoài- Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hoá mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Cũng cố kết quả phổ cập giáo dục, xoá mù chữ, từng bước phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi. Chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đông dân cư. Tăng cường giáo dục hòa nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên. Thúc đẩy chủ trương xã hội hóa góp phần hỗ trợ khu vực công thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo].

Về y tế: Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hội nhập, bảo đảm điều kiện tiếp cận và chăm sóc sức khỏe cho mọi người dân hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân.

[Nói ngoài- Chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe tâm thần, chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em; khám sức khỏe định kỳ cho Nhân dân; quản lý các bệnh mãn tính đối với người cao tuổi. Thực hiện có hiệu quả chính sách dinh dưỡng, giải quyết tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nâng cao tầm vóc, thể lực người Việt Nam; bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả dịch bệnh, đảm bảo an ninh y tế; phát triển y tế học đường, y học gia đình. Tăng cường chuyển đổi số trong công tác quản lý, trong quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, bảo hiểm y tế].

Điểm mới: Đại dịch COVID-19 cho thấy những bài học kinh nghiệm trong công tác dự báo, phát hiện, phòng ngừa dịch bệnh trên diện rộng bao gồm cả hạn chế của hệ thống y tế cơ sở vì vậy chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả dịch bệnh, đảm bảo an ninh y tế là những điểm mới của Nghị quyết.

Về phát triển văn hóa: Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, di sản văn hóa dân tộc, văn hoá của đồng bào các dân tộc thiểu số.

[Nói ngoài- Không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về thụ hưởng văn hóa giữa các vùng, miền, các giai tầng xã hội, đặc biệt là nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nơi tập trung đông người lao động... Nghiên cứu, xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm

2045. *Bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với phát triển văn hoá, xây dựng nếp sống văn minh, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân*].

Điểm mới: Phát triển văn hóa là điểm mới, cùng với định hướng nâng cao đời sống vật chất của nhân dân, nâng cao phúc lợi, thì việc nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân là rất quan trọng.

Về thông tin: Thực hiện chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận và bảo vệ người dân, đặc biệt là trẻ em, nhóm yếu thế được an toàn trên môi trường mạng.

[Nói ngoài- Tăng cường phổ cập dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số. Thiết lập các cụm thông tin điện tử, dịch vụ thông tin công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền tại các cửa khẩu, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo].

Về nhà ở: Bảo đảm cho người dân có chỗ ở thích hợp, chất lượng và an toàn, có sự chia sẻ trách nhiệm giữa Nhà nước, xã hội và người dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thu nhập.

[Nói ngoài- Hoàn thiện chính sách, pháp luật về nhà ở xã hội; phát triển đa dạng các loại hình nhà ở và cơ chế, chính sách mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà lưu trú, ký túc xá cho công nhân, người lao động, học sinh, sinh viên. Nhà nước có chính sách hỗ trợ nhà ở cho một số đối tượng khó khăn; chính sách về đất đai, vốn, tín dụng hỗ trợ cho hộ nghèo khu vực nông thôn cải thiện nhà ở và nâng cao điều kiện an toàn về chỗ ở cho người dân sinh sống tại khu vực thường xuyên bị thiên tai, ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu. Huy động xã hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nhà ở xã hội.

Nêu cao trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền, hệ thống chính trị, nhất là chính quyền địa phương trong thực hiện chủ trương của Đảng và Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn 2045].

Về nước sạch, vệ sinh môi trường: Bảo đảm nhu cầu thiết yếu về nước sạch sinh hoạt theo quy chuẩn cho người dân, nhất là người dân nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, bãi ngang, ven biển, hải đảo, vùng thường xuyên bị thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước. Bảo vệ môi trường, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường khu dân cư nhằm cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân

[Nói ngoài- Nhà nước có chính sách cung cấp nước sạch cho các cơ sở giáo dục, y tế và các cơ sở thiết yếu khác; hoàn thiện chính sách về nước sạch đồng bộ, thống nhất, liên ngành, liên vùng và bảo đảm an ninh nguồn nước.

Thực hiện nghiêm chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường. Lồng ghép, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế - xã hội;

có giải pháp đủ mạnh để giải quyết triệt để ô nhiễm do nước thải, rác thải, khí thải; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường, nhất là vấn đề rác thải, khí thải, nước thải tại các đô thị lớn, khu vực nông thôn, miền núi].

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng, nhất là công nhân, người có hoàn cảnh khó khăn, người di cư, đồng bào dân tộc thiểu số.

[Nói ngoài- Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội hiểu biết pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp. Nâng cao chất lượng các dịch vụ việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và hệ thống các cơ sở dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng, trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật không nơi nương tựa. Phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng, mô hình chăm sóc và trợ giúp xã hội ngoài công lập; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hợp tác công – tư, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, hiện đại hóa, phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ xã hội; đẩy mạnh việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng chính sách trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư].

Điểm mới: của Nghị quyết là chú trọng phát triển hệ thống chăm sóc người cao tuổi ứng phó với vấn đề già hóa dân số nhanh.

8. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

Tiếp tục nội luật hoá các cam kết về tiêu chuẩn về lao động, quan hệ lao động, việc làm và an sinh xã hội phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Khai thác có hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và các điều ước quốc tế khác mà Việt Nam là thành viên cho thực hiện chính sách xã hội.

[Nói thêm- Phấn đấu thực hiện mục tiêu là quốc gia tiên phong trong chương trình thúc đẩy toàn cầu về việc làm và an sinh xã hội hướng tới chuyển đổi công bằng theo sáng kiến của Liên hợp quốc và Tổ chức Lao động quốc tế (ILO). Tích cực tham gia, đóng góp xây dựng các định hướng hợp tác quốc tế lớn và các cơ chế hợp tác đa phương mới liên quan đến việc làm, an sinh xã hội và các chính sách xã hội khác, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc; tranh thủ nguồn lực quốc tế góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững].

Tăng cường hợp tác song phương và đa phương; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật của các nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế cho chính sách xã hội.

[Nói ngoài- Đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ hướng tới việc làm bền vững, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an sinh xã hội, trợ giúp xã hội. Khuyến khích nguồn lực quốc tế hỗ trợ, đầu tư phát triển các dịch vụ xã hội, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường xuyên biên giới].

9. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trong thực hiện chính sách xã hội

Nghị quyết yêu cầu tăng cường nhận thức, trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và thực hiện chính sách xã hội.

Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về chính sách xã hội, trên cơ sở đó sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thường xuyên lắng nghe, phản ánh, phối hợp giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và Nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển các loại hình cung cấp dịch vụ xã hội và tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Xây dựng, ban hành kế hoạch, chương trình trình hành động và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết.

- Bộ Chính trị sẽ ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết; lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, kịp thời, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị về chính sách xã hội.

- Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị xã hội và Nhân dân tăng cường giám sát phát hiện, phản ánh kịp thời những vướng mắc, sai phạm trong thi hành chính sách, pháp luật về chính sách xã hội để xử lý kịp thời.

- Ban cán sự đảng Chính phủ tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện Nghị quyết đồng bộ, hiệu quả. Chấn chỉnh và tăng cường việc thực thi pháp luật về chính sách xã hội, xử lý nghiêm các vi phạm.

- Các tỉnh ủy, thành ủy; các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức xây dựng chương trình hành động, kế hoạch và tổ chức thực hiện Nghị quyết phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; tình hình thực tiễn của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; định kỳ kiểm tra, đánh giá việc thực hiện.

2- Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về chính sách xã hội và các chính sách pháp luật có liên quan theo các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đặt ra trong Nghị quyết.

- Ban cán sự đảng Chính phủ sẽ chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo, sửa đổi các Luật có liên quan trình Quốc hội xem xét theo kế hoạch.

- Ban cán sự đảng các Bộ, ngành có liên quan chỉ đạo rà soát, hoàn thiện các chính sách xã hội và sửa đổi pháp luật có liên quan.

- Các tỉnh ủy, thành ủy tích cực tham gia trong sửa đổi pháp luật có liên quan đảm bảo tính khả thi, phù hợp với thực tiễn, tôn trọng thực tiễn, phát huy sức mạnh toàn dân cho phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

3- Tuyên truyền nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết

- Ban Tuyên giáo Trung ương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về chính sách xã hội, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về chính sách xã hội cho cán bộ, đảng viên, người dân, doanh nghiệp. Chỉ đạo các cơ quan báo chí tuyên truyền sâu rộng, định hướng dư luận trong quá trình thể chế hóa, sửa đổi các Luật có liên quan và tổ chức thực hiện Nghị quyết .

- Các tỉnh ủy, thành ủy; các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết; tuyên truyền sâu rộng đến người dân để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, hiểu đúng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội, đẩy mạnh các tầng lớp nhân dân tích cực chấp hành và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết và chính sách, pháp luật về chính sách xã hội.

4- Giám sát, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết

Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết./.